

Số: 05/2024/QĐST-HNGĐ

B, ngày 29 tháng 07 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và  
“Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân”

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Đỗ Thị Thanh Hương

*Thư ký phiên họp:* Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp:** Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và Công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 07 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông S – sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

(vắng mặt tại phiên họp và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Sùng Thị S - sinh ngày 28/07/1997

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

+ Anh Sùng A - sinh ngày 17/02/1998

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 03/06/2024 và bản tự khai của ông S trình bày: Ngày 29/03/2016 Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Sùng Thị S và anh Sùng A theo giấy Chứng nhận kết hôn số 16 ngày 29/03/2016. Trong quá trình xác minh để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Sùng Thị S và anh Sùng A, Ủy ban nhân dân xã T không phát hiện được tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Sùng A sinh ngày 17/02/1998. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do có sự nhầm lẫn nên anh Sùng A

khai sai ngày tháng năm sinh. Anh Sùng A khai sinh ngày 17/02/1996 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn thì đảm bảo độ tuổi theo quy định. Tuy nhiên trên thực tế căn cứ vào giấy tờ tùy thân của anh Sùng A như Giấy khai sinh, căn cước công dân, xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an xã T, Sổ học bạ trung học cơ sở, Bằng tốt nghiệp THCS thì anh Sùng A đều sinh ngày 17/02/1998 thì lúc đăng ký kết hôn anh Sùng A mới được 18 tuổi 01 tháng 12 ngày. Do đó, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Sùng A chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000. Ngoài ra anh Sùng A không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy ông S đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị S và anh Sùng A theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 được Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 29/03/2016 theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân và bản tự khai của chị Sùng Thị S và anh Sùng A đều trình bày: Từ thời điểm đăng ký kết hôn năm 2016 cho đến nay chị Sùng Thị S và anh Sùng A vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 03 người con chung, chị Sùng Thị S và anh Sùng A khẳng định mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên anh, chị không yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật theo đề nghị của ông S. Ngày 03/07/2024 chị Sùng Thị S và anh Sùng A có đơn đề nghị Tòa án xem xét công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị Sùng Thị S và anh Sùng A đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân đối với anh Sùng A theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến phiên họp hôm nay: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật, người yêu cầu chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367; điểm h Khoản 1 Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị giải quyết theo hướng:

Không chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị S và anh Sùng A theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông S. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Sùng Thị S và anh Sùng A kể từ ngày anh Sùng A đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông S không phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” của ông S và “ Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” của chị Sùng Thị S và anh Sùng A đều đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 29, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, người yêu cầu ông S và người liên quan chị Sùng Thị S, anh Sùng A đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp, căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu và Công nhận quan hệ hôn nhân của người liên quan: Kèm theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, người yêu cầu đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Theo trích lục kết hôn số 229/TLKH -BS, ngày 18/06/2024 (Giấy chứng nhận số 16 ngày 29/03/2016) của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai có ghi anh Sùng A sinh ngày 17/02/1996. Tuy nhiên, người yêu cầu cung cấp các tài liệu, chứng cứ đối với anh Sùng A gồm: Bản sao Giấy khai sinh và bản sao Căn cước công dân, xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an xã T, Sổ học bạ trung học cơ sở và Bằng tốt nghiệp PTTH của Sùng A đều thể hiện anh Sùng A, sinh ngày 17/02/1998. Do đó tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Sùng A đã vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khi kết hôn anh Sùng A mới được 18 tuổi 01 tháng 12 ngày theo quy định tại điểm a Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định thì “ Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên”. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị S và anh Sùng A là trái pháp luật.

Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì chị Sùng Thị S và anh Sùng A đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị Sùng Thị S và anh Sùng A vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau 03 người con chung. Chị Sùng Thị S và anh Sùng A đều có yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị Sùng Thị S và anh Sùng A đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái

pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này”.

Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn” anh Sùng A sinh ngày 17/02/1998 đến ngày 17/02/2018 đủ 20 tuổi. Vì vậy Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu hủy hôn của ông S và Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Sùng Thị S và anh Sùng A kể từ ngày 17/02/2018 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông S không phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367; điểm h Khoản 1 Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố:

1. Không chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông S về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị S và anh Sùng A theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/03/2016.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Sùng Thị S và anh Sùng A. Quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị S và anh Sùng A được xác lập kể từ ngày 17/02/2018.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông S không phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị

trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B (2);
- Người yêu cầu (1) ;
- Người liên quan(2)
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ VDS, VP.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Đỗ Thị Thanh Hương**